

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2019/HC-PT**

Ngày: 22-01-2019

V/v khiếu kiện hành vi hành
chính trong quản lý nhà nước
trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Kim Phụng

Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 01 năm 2019 và ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại
phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm
công khai vụ án hành chính thụ lý số: 42/2018/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm
2018 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/QĐST-HC ngày 10 tháng 10
năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐ-PT ngày
02/01/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Thành L, sinh năm 1966

Địa chỉ: 69/2 đường Nguyễn Khắc N, phường G, Quận X, Thành phố Hồ
Chí Minh (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Công B, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Đ – Chủ tịch Ủy ban
nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (bà Đ có đơn đề nghị xét xử
vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Mai Thị O, sinh năm 1986 – Công chức Địa chính xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017 gửi đến Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tòa án xác định làm căn cứ thụ lý vụ án, bản tự khai, biên bản đối thoại người khởi kiện là ông Trần Thành L trình bày:

Ngày 28/7/2014, ông L đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nộp đơn đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định mới của Luật Đất đai năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp biên nhận hồ sơ số 27670.000 104 ngày 28/7/2014.

Sau đó, ông L được biết hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông L đề ngày 28/7/2014 không được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác nhận về nguồn gốc; thời điểm sử dụng đất; tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất (nếu có) và sự phù hợp với quy hoạch đối với khu đất ông L đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 13/01/2017, ông L đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nộp đơn xin xác nhận hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tín chấp theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ – CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về “Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn” nhưng đơn xin xác nhận của ông không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xem xét giải quyết.

Ngày 16/01/2017, ông có gửi đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện C yêu cầu thực hiện việc xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất (nếu có) và sự phù hợp với quy hoạch vào hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

Ngày 14/02/2017, ông có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C khiếu nại hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C về việc không thực hiện xác nhận cho ông về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất và sự phù hợp với quy hoạch vào hồ sơ đăng ký, hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tín chấp theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ – CP ngày 09/6/2015 của

Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

Ngày 08/3/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ban hành Công văn số 163/UBND về trả lời đơn khiếu nại của ông Trần Thành L.

Không đồng ý với nội dung Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, ông Trần Thành L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

1/ Hủy toàn bộ nội dung Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Hành vi không thực hiện xác nhận hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp quyền sử dụng đất vào đơn xin xác nhận để vay vốn tín chấp của ông đề ngày 13/01/2017, và hành vi không thực hiện xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất (nếu có) và sự phù hợp với quy hoạch vào hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. Do hành vi này đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C trình bày:

Căn cứ Công văn số 1338/UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thành L.

Công văn số 309/UBND ngày 14/3/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C, về trả lời đơn của ông Trần Thành L khiếu nại Công văn số 1338/UBND ngày 11/10/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, về trả lời đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thành L. Căn cứ Quyết định số 1158/QĐ – UBND ngày 21/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, về giao quỹ đất chưa sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã T, quản lý trong đó có các thửa đất của ông L đăng ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn cứ quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã T có Công văn số 588/UBND ngày 15/9/2014 về trả lời hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thành L.

Năm 2017, ông L có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T thực hiện xác nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và thực hiện xác nhận để vay vốn tín chấp theo quy định. Căn cứ kết quả trình bày như trên và căn cứ vào Công văn số 4619/CV – PCNC ngày 27/5/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết đơn của ông Trần Thành L nên Ủy ban nhân dân xã T, huyện C không xác nhận đơn của ông và có gửi thư mời ông đến để trả lại đơn nhưng ông L không đến. Tiếp đó ông L khiếu nại hành vi của Ủy ban nhân dân xã T không xác nhận đơn xin đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông và xác nhận để vay vốn

tín chấp theo qui định. Từ những cơ sở trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ban hành Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 để trả lời đơn khiếu nại của ông Trần Thanh Lương.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/QĐST-HC ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tuyên xử:

1. Về quan hệ tranh chấp:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành L về việc yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ Công văn số 163-UBND ngày 08/3/2017, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Tp Hồ Chí Minh và xác định các hành vi không xác nhận hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 28/7/2014 và hành vi của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Tp Hồ Chí Minh không xác nhận hiện trạng sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp đối với khu đất 03 ha trong đơn đề ngày 13/1/2017 để vay vốn tín chấp là trái pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Thành L phải chịu; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 05596 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Tp Hồ Chí Minh nên chuyển thành án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 23/10/2018, ông Trần Thành L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Trần Thành L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng trong phần tranh tụng giữa các đương sự, tước quyền tranh tụng của ông đối với người bị kiện. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn vi phạm thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và ông không được tiếp cận, công khai các chứng cứ do người bị kiện cung cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thành L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc

thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Thành L thì đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính và quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Chủ tịch xã T, huyện C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là thiếu người bị kiện và việc không triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C tham gia với tư cách là người bị kiện trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thành L, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Thành L làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt người bị kiện: Do người đại diện theo pháp luật của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thành L:

Theo Đơn khởi kiện của ông Trần Thành L đề ngày 29/09/2017 thì ông L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và hành vi không xác nhận hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 28/7/2014 và hành vi không xác nhận hiện trạng sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp đối với khu đất 03 ha trong đơn đề ngày 13/1/2017 để vay vốn tín chấp của Ủy ban nhân dân xã T huyện C là trái pháp luật.

Xét thấy:

Ngày 14/02/2017, ông L có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C khiếu nại hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C về việc không thực hiện xác nhận cho ông hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 28/7/2014 và xác nhận về hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và đất không có tranh chấp để vay vốn tín chấp theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ – CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Thành L, ngày 08/3/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C đã ban hành Công văn số 163/UBND có nội dung giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ký ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2017, ông Trần Thành L khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C do có nội dung không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và hành vi của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C không xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp quyền sử dụng đất (nếu có) và sự phù hợp với quy hoạch vào hồ sơ đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu ngày 28/7/2014 và hành vi của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C không thực hiện xác nhận hiện trạng sử dụng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp đối với khu đất 03 ha đơn đề ngày 13/01/2017 để vay vốn tín chấp là hành vi trái pháp luật.

Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì hành vi hành chính nêu trên và Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là hành vi hành chính và quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của ông Trần Thành L còn thời hiệu và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện C xác định người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T là thiếu người tham gia tố tụng; mà phải xác định người bị kiện trong vụ kiện này là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Do xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C tham gia với tư cách là người bị kiện trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, ông Trần Thành L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục về thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong phần tranh tụng tại phần hỏi đáp giữa các đương sự vì ông không được hỏi người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C.

Căn cứ hồ sơ vụ án, tại các bút lục từ số 85 đến bút lục số 92 thì thấy được ông L chưa được tiếp cận các tài liệu, chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục tố tụng

theo quy định tại các Điều 136, Điều 137, Điều 138, Điều 139, Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 (Tòa án có Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 07/02/2018 và ngày 19/04/2018 tuy nhiên Tòa án không thực hiện theo trình tự mở phiên họp và lập biên bản phiên họp kiểm tra việc việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo thông báo mở phiên họp ngày 07/02/2018). Ngoài ra theo biên bản giao nộp chứng cứ do phía Ủy ban xã T, huyện C nộp không thể hiện nộp ngày nào và các tài liệu này là bản chính hay bản photo. Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 19/4/2018 có thể hiện ông L yêu cầu được tiếp cận chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cung cấp sau ngày 19/04/2018; tuy nhiên sau đó không thấy có biên bản, tài liệu nào thể hiện ông L đã được tiếp cận chứng cứ do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cung cấp. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông L nên kháng cáo của ông Trần Thành L là có căn cứ.

Đối chiếu với Biên bản phiên tòa tại các bút lục từ số 97 đến bút lục số 99 thì không thể hiện có phần hỏi giữa người khởi kiện ông L và người đại diện theo pháp luật của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn, huyện C. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về trình tự tranh tụng tại phiên tòa được quy định tại các điều 175 đến Điều 186 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Như vậy kháng cáo của ông Trần Thành L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về nội dung vụ án: Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên về nội dung Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thành L. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/QĐST-HC ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí:

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do hủy bản án hành chính sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Trần Thành L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, Điều 137, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 175, Điều 176, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183, Điều 184, Điều 185, Điều 186, Điều 220, Điều 225, khoản 3 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thành L.

Tuyên xử:

1/ Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/QĐST-HC ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*” giữa người khởi kiện ông Trần Thành L và người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C; Chuyển hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thành L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thành L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/06157 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Phượng Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Lê Thu Thủy

